**BÀI 1: TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT**

**Văn bản 1 : LỜI CỦA CÂY**

- Trần Hữu Thung -

*(Đọc và thực hành Tiếng Việt: 9 tiết;*

*Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết, Ôn tập: 1 tiết)*

KẾ HOẠCH BÀI DẠY KĨ NĂNG ĐỌC

**A hand holding a seedling

Description automatically generated with low confidenceA picture containing text, nature, sky, outdoor

Description automatically generatedA picture containing text, nature, mountain, highland

Description automatically generated**A stream running through a grassy area with trees and mountains in the background

Description automatically generated with low confidence

**I. MỤC TIÊU** *Học sinh đạt được****:***

**1. Năng lực**

* ***Năng lực đặc thù***

- Nhận biết và nhận xét được một số nét độc đáo của bài thơ bốn chữ, năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biệp pháp tu từ.

- Nhận biết được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gởi đến người đọc; tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Nhận biết đặc điểm chức năng của phó từ.

- Bước đầu biết làm làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

- Biết tóm tắt ý chính do người khác trình bày.

***Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác: Kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm với các thành viên khác.

- Tự chủ và tự học, biết thu thập thông tin và giải quyết vấn đề được đặt ra.

**2. Phẩm chất**

- Cảm nhận và yêu vẻ đẹp thiên nhiên.

**II. KIẾN THỨC**

* Khái niệm thơ bốn chữ, thơ năm chữ.
* Khái niệm hình ảnh thơ, vần nhịp và vai trò vần, nhip trong thơ.
* Khái niệm thông điệp văn bản.
* Kĩ năng đọc thơ bốn chữ và thơ năm chữ.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức ngữ văn

- Một số video, hình ảnh liên quan đến nội dung bài học (“Phim thiên nhiên HD: Giai điệu tình yêu”)

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A.HOẠT ĐỘNG : MỞ ĐẦU**

***a. Mục tiêu****:*

- Tạo hứng thú, tâm thế kết nối học sinh vào chủ đề bài học

***b. Nội dung****:*

GV yêu cầu HS cùng theo dõi video theo đường link sau: https://www.youtube.com/watch?v=NqdLJUrHZCc và chia sẻ cảm nghĩ.

***c. Sản phẩm:***

Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | - GV yêu cầu HS theo dõi video “Phim thiên nhiên HD: Giai điệu tình yêu” và chia sẻ cảm xúc của mình sau khi xem những hình ảnh trong video. | - Cảm xúc của HS:  + Thích thú trước vẻ đẹp thiên nhiên… |
| Thực hiện nhiệm vụ | - HS theo dõi hình ảnh, hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi  GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo/ Thảo luận | - Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân |
| Kết luận/ nhận định | - GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học. |

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1.Hoạt động giới thiệu tri thức mới.**

***a. Mục tiêu****:*

- Hệ thống tri thức đọc hiểu về thơ bốn chữ, năm chữ và một số yếu tố quan trong của bài thơ.

***b. Nội dung****:*

GV yêu cầu HS trình bày theo nhóm kết quả mà nhóm đã chuẩn bị ở nhà theo phiếu học tập đã giao,tham gia trò chơi “Vòng quay may mắn” để hệ thống tri thức thể loại .

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Chuyển giao nhiệm vụ | (1)- *GV giao các câu hỏi chuẩn bị bài trước ở nhà cho các nhóm theo phiếu học tập sau:*   |  |  | | --- | --- | | ***Nhóm 1*** | ***Câu 1.****Hãy nêu khái niệm thơ bốn chữ, thơ năm chữ.* | | ***Nhóm 2*** | ***Câu 2.*** *Em hiểu thế nào về hình ảnh trong thơ?Cho ví dụ.* | | ***Nhóm 3*** | ***Câu 3****. Vần nhịp và vai trò của vần nhịp trong thơ.* | | ***Nhóm 4*** | ***Câu 4.****Thông điệp* |   *(2)* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trong trò chơi “Vòng quay may mắn” để củng cố hệ thống tri thức đọc hiểu.  *Câu 1: Đây là một thể mỗi dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3?*  A. Bốn chữ C. Lục bát  B. Ngũ bát D. Năm chữ  *Câu 2:Thơ bốn chữ là:*  A. Là thể thơ mà mỗi dòng thơ có bốn chữ.  B. Là thể thơ có bốn câu thơ trong một bài thơ.  C. Là thể thơ có 4 khổ thơ.  D. Là thể thơ có 4 đoạn thơ.  Câu 3: *Nhận xét nào không đúng khi nói về yếu tố hình ảnh trong thơ?*  *A.* Yếu tố quan trọng của thơ.  B.Giúp ngời đọc cảm nhận qua các giác quan như: thính giác, khứu giác, vị giác, thị giác, xúc giác.  C. Giúp người đọc nhìn thấy, tưởng tượng thấy điều mà nhà thơ miêu tả .  D. Giúp ngời đọc cảm nhận qua các giác quan như: thính giác, khứu giác, vị giác, thị giác, xúc giác.  *Câu 4: Em hiểu thế nào là vần chân ?*  A. Là vần được gieo vào cuối dòng thơ.  B. Là vần gieo liên tiếp.  C. Là vần gieo ngắt quãng  D. Là vần gieo ở đầu câu thơ.  *Câu 5: Em hiểu thế nào là vần lưng ?*  *A.* là vần được gieo vào cuối dòng thơ.  B. là vần được gieo ở giữa dòng thơ  C. là vần của các bài thơ  D. Là vần gieo liên tiếp.  *Câu 6: Thơ bốn chữ thường có nhịp 2/2. Đúng hay sai?*  A. đúng B. Sai  *Câu 7*: *Thơ năm chữ thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.Đúng hay sai?*  A.Đúng B. Sai  *Câu 8: Em hiểu thế nào là vần lưng ?*  *A.* là vần được gieo vào cuối dòng thơ.  B. là vần được gieo ở giữa dòng thơ  C. là vần của các bài thơ  D. Là vần gieo liên tiếp.  Câu 9: *Em hiểu thế nào là thông điệp của văn bản*?  *A.* Là ý tưởng quan trọng nhất của văn bản.  B. Là bài học.  C. Là cách ứng xử mà văn bản muốn truyền đến người đọc.  D. Tất cả các câu A, B, C đều đúng. | * Tri thức đọc hiểu   - **Thơ bốn chữ** là thể thơ mỗi dòng có bốn chữ, thường có nhịp 2/2.  - **Thơ năm chữ** là thể thơ mối dòng có năm chữ, thường có nhịp 3/2 hoặc 2/3.  - **Hình ảnh trong thơ:**  Là những chi tiết,cảnh tương tự thực tế cuộc sống,được tái hiện lại ngôn từ thơ ca,góp phần diễn tả cảm xúc,suy ngẫm của nhà thơ về thế giới và con người.  - Vần:  + **Vần chân**: vần được gieo ở cuối dòng thơ.  +**Vần lưng**: vần gieo ở giữa câu thơ.  **+ Vai trò của vần:**  Liên kết các dòng và câu thơ,đánh dấu nhịp thơ, tạo nhạc điệu, sự hài hòa,sức âm vang cho thơ, làm cho câu thơ, dòng thơ dễ nhớ dễ thuộc.  **-Nhịp thơ:**  + Nhịp thơ được thể hiện ở chỗ ngắt chia dòng và câu thơ thành từng vế hoặc ở cách xuống dòng/ngắt dòng đều đặn cuối mỗi dòng thơ.  **+Nhịp có tác dụng** tạo tiết tấu, làm nên nhạc điệu của bài thơ, đồng thời cũng biểu đạt nội dung thơ.  **- Thông điệp:**  Là ý tưởng quan trọng nhất, là bài học cách ứng xử mà văn bản muốn truyền đến người đọc. |
| Thực hiện nhiệm vụ | Nhiệm vụ 1: Hs trình bày theo nhóm.  Nhiệm vụ 2: Hs trả lời cá nhân.  - GV theo dõi, quan sát HS |
| Báo cáo  Thảo luận | - Yêu cầu HS trả lời theo yêu cầu. |
| Kết luận  Nhận định | - GV nhận xét câu trả lời (trong quá trình hướng dẫn HS chốt đáp án trong trò chơi, giáo viên cần giải thích cho học sinh về hình ảnh trong thơ, thông điệp, vần, nhịp trong thơ…) và chốt kiến thức. |

**2.Hoạt động đọc văn bản Lời của cây**

**2.1 Chuẩn bị đọc:**

**a.Mục tiêu:**

-Kích hoạt kiến thức nền liên quan đến chủ đề văn bản, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung bài học.

-Bước đầu biết tưởng tưởng một số hình ảnh được nhắc đến trong bài thơ.

- Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản.

**b. Nội dung**: Hướng dẫn HS quan sát hình ảnh của cô gái Nguyễn Thị Thu Thương, Hà Nội và cô bé Minh Best và yêu cầu học sinh chia sẻ suy nghĩ của mình khi nhìn thấy những hình ảnh đó.

**c. Sản phẩm:** **-**Câu trả lời miệng của học sinh về nội dung tưởng tưởng của VB, thể thơ của VB và những yếu tố cần lưu ý khi đọc thể loại này, trải nghiệm của bản thân.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | ***-Cách 1:***  GV cho HS trả lời câu hỏi phần chuẩn bị đọc:Em đã bao giờ quan sát quá trình lớn lên của một cái cây, một bông hoa, hay một con vật hay chưa?Điều đó gợi cho em suy nghĩ và cảm xúc gì?  ***-Cách 2:***  *Gv cho học sinh xem clip về quá trình lớn lên của một bông hoa hoặc một mần cây và nêu lên cảm nhận.*  ***-Gv yêu cầu học sinh trả lời cá nhân:***  ***+Văn bản trên thuộc thể thơ nào? Vì sao em biết?*** | Tùy theo cảm nhận của HS:  - Thấy mần cây non cần được bảo vệ chăm sóc…  - Quá trình đó các em có thể chưa từng chứng kiến, nên sẽ ngạc nhiên về sự kì diệu của tạo hóa… |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân: theo dõi, quan sát, suy nghĩ cá nhận |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | GV mời 1 – 2 HS trả lời cá nhân |
| *Kết luận/ Nhận định* | - Gv ghi nhận những câu trả lời thể hiện cảm nhận của các em khi xem clip cây nảy mầm, hoặc trải nghiệm của các em khi xem quá trình phát triển của cây, con vật…  -GV nhận xét câu trả lời của học sinh. Dựa tren kết quả trình bày của các em để hướng dẫn học sinh một số lưu ý khi đọc thơ bốn chữ. |

**2.2 Trải nghiệm cùng văn bản:**

**a.Mục tiêu:**

-Bước đầu vận dụng kĩ năng tưởng trong quá trình đọc văn bản.

- Tạo tâm thế trước khi đọc văn bản.

**b. Nội dung**: - GV hướng dẫn HS đọc văn bản

**c. Sản phẩm:** Phần đọc của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm ,khi đọc đến khổ 2 bài thơ, Gv cho HS dừng vài phút để tưởng tượng.  GV có thể đọc mẫu 1 lượt rồi mới gọi HS đọc  Gv yêu cầu HS giới thiệu “Hồ sơ tác giả nổi tiếng – Trần Hữu Thung”  - (1) Tên tuổi xuất thân  - (2) Đặc điểm sự nghiệp, phong cách thơ |  |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS đọc và lắng nghe văn bản theo hướng dẫn |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *- HS hoạt động cá nhân* |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét cách đọc, uốn nắn những bạn có cách đọc chưa chính xác.  **Gv có thể dùng kĩ thuật nói to suy nghĩ của mình để làm mẫu kĩ năng tưởng tượng. Ví dụ: “Câu thơ này làm cô hình dung hình ảnh mầm cây như giọt sữa đang tượng hình, đang nhú ra khỏi lớp vỏ hạt.”** |

**2.3 Suy ngẫm và phản hồi:**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS:

- Nhận biết số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ.

- Thấy được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh

- Thấy được tình cảm của tác thể hiện trong bài thơ.

- Nhận ra được thái độ, cách ứng xử cá nhân do VB gợi ra.

**b. Nội dung**:

- GV cho HS thảo luận nhóm

- HS làm việc nhóm trưng bày sản phẩm

**c. Sản phẩm:**

- Phiếu học tập, phần trình bày của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| Nhiệm vụ 1: 1. Quá trình phát triển của cây | | |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV yêu cầu hoàn thành phiếu học tập số 1 để xác định đặc trưng của thể thơ lục bát  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sự phát triển** | **Từ ngữ miêu tả** | **Phân tích ý nghĩa** | |  |  |  |   *? Em nhận xét gì về việc tuân thủ đặc trưng thơ lục bát ở bốn câu thơ đầu?* | **1. Quá trình phát triển của cây**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Sự phát triển** | **Từ ngữ miêu tả** | **Phân tích ý nghĩa** | | Hạt | lặng thinh | - nhân hóa, hạt như cũng có hồn à Sự sống tiềm tàng, chưa được “đánh thức”, phát triển thành cây. | | Mầm | - nhú lên giọt sữa  - thì thầm  -kiêng gió, kiêng mưa, lớn lên đón tia nắng hồng | - mầm cây được ví với giọt sữa trắng trong, trong trẻo, nhỏ bé, dễ thương  - mầm cây cũng giống như em bé cần được vỗ về, nghe lời ru, nằm trong nôi là vỏ cây, cần kiêng khem gió mưa, biết “mở  mắt” đón tia nắng hồng. | | Cây đã thành | - “nghe màu xanh – bắt đầu bập bẹ” | - như em bé chập chững  + ẩn dụ chuyển đổi cảm giác (nghe màu xanh)  + hoán dụ (nghe màu xanh à chỉ cái cây)  + nhân hóa (bập bẹ).  à Câu thơ có nhiều biện pháp tu từ, mở rộng trường liên tưởng. | |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS hoạt động thảo luận theo nhóm. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | *-* GV yêu cầu 1-2 HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức |
| Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mối quan hệ giữa chủ thể trữ tình và hạt mầm | | |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS thảo luận theo cặp:  + *Theo em, những dòng thơ như “Ghé tai nghe rõ”, “Nghe mầm mở mắt” thể hiện mối quan hệ như thế nào giữa hạt mầm và nhân vật đang “ghé tai nghe rõ”?*  *+ Tìm những hình ảnh, từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc mà tác giả dành cho những mầm cây. Hãy cho biết đó là tình cảm gì?* | **2. Mối quan hệ giữa chủ thể trữ tình và hạt mầm**  - Khi đang là hạt à hạt được chủ thể trữ tình “cầm trong tay mình” à sự sống được nâng niu à cách ứng xử của chủ thể trữ tình với thiên nhiên.  - “Ghé tai nghe rõ”, “Nghe mầm mở mắt”: hình ảnh của nhà thơ, thể hiện mối quan hệ gần gũi, giao cảm giữa thiên nhiên và nhà thơ, sự nâng niu sự sống. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS hoạt động thảo luận theo nhóm. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức : + Một số từ ngữ, hình ảnh thể hiện cảm xúc của tác giả: *Hạt mầm lặng thinh, Ghé tai nghe rõ, Nghe bàn tay vỗ, Nghe tiếng ru hời, Nghe mầm mở mắt* à cảm xúc yêu thương, trìu mến, nâng niu của tác giả đối với những mầm cây. |
| Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu lời của cây | | |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | GV yêu cầu HS đọc khổ thơ cuối và trả lời các câu hỏi:  *+ Nhận xét về nhịp thơ của khổ cuối và cho biết tác dụng của nó đối với việc thể hiện lời của cây.*(GV gợi ý HS chú ý nhịp thơ thông thường của thơ bốn chữ là nhịp 2/2).  *+ Nêu ý nghĩa về lời của cây.* | **3. Lời của cây**  - “Rằng/ các bạn ơi”  **=>nhịp thơ 1/3 – sự khác biệt trong thơ bốn chữ (vốn là nhịp 2/2)**  => **nhấn mạnh, gợi sự chú ý, lắng nghe.**  - 3 câu thơ cuối:  *Cây chính là tôi*  *Nay mai sẽ lớn*  *Góp xanh đất trời*  **=> Lời của cây là tiếng nói của thiên nhiên đối với con người à Thông điệp về sự lắng nghe, tôn trọng thiên nhiên.**  **=> Ẩn dụ về ý nghĩa của đời người, lớn lên và làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp.** |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức . |
| Nhiệm vụ 4: Tổng kết | | |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV yêu cầu HS nhận xét về nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ:  *+ Nêu các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ và tác dụng của nó.*  *+ Cách gieo vần, ngắt nhịp trong bài thơ như thế nào? Chúng đã góp phần thể hiện điều gì?*  *+ Vần và nhịp đã có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện “lời của cây”?*  *+ Xác định chủ đề và thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.* | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Sử dụng các biện pháp tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa à làm cho bài thơ trở nên đa nghĩa, đa thanh, giàu sức gợi hình.  - Thể thơ bốn chữ, nhịp thơ 2/2 à dễ thuộc, dễ nhớ, đều đặn như nhịp đưa nôi, vừa diễn tả nhịp điệu êm đềm của đời sống cây xanh, vừa thể hiện cảm xúc yêu thương trìu mến của tác giả.  - Nhịp thơ 1/3 (*Rằng các bạn ơi*) à sự khác biệt, có tác dụng nhấn mạnh vào khao khát của cây khi muốn được con người hiểu và giao cảm.  - Tiết tấu vui tươi, phù hợp với nội dung của bài thơ.  **2. Chủ đề – thông điệp**  - Chủ đề: Bài thơ thể hiện tình yêu thương, trân trọng những mầm xanh thiên nhiên  - Thông điệp:  + Hãy lắng nghe lời của cỏ cây loài vật để biết yêu thương, nâng đỡ sự sống ngay từ khi sự sống mưới là những mầm non.  + Mỗi con người, sự vật, dù là nhỏ bé, đều góp phần tạo nên sự sống như hạt mầm góp màu xanh cho đất trời.  + Thông điệp ẩn dụ: các bạn nhỏ cũng như những mầm cây, cũng phát triển từ bé đến lớn, góp phần xây dựng cuộc sống tươi đẹp |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi. |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. |
| *Kết luận/ Nhận định* | - GV nhận xét, chốt kiến thức về nghệ thuật và nội dung. |

**3 HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**3.1Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**3.2Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**3.3 Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**3.4 Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS tóm tắt đặc điểm nội dung và hình thức của văn bản *Lời của cây*, từ đó khái quát một số đặc điểm của thể thơ bốn chữ.

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

**4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**4.1 Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**4.2 Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**4.3 Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

* 1. **Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*Hãy tưởng tượng mình là một cái cây, một bông hoa hoặc một con vật cưng trong nhà và viết khoảng năm câu thể hiện cảm xúc của chúng.

- GV gợi ý:

+ Cảm xúc của cái cây, bông hoa hoặc một con vật cưng khi được gặp ánh nắng/ khi được mọi người yêu mến, hay khi gặp thời tiết xấu hoặc bị mọi người hắt hủi, v.v…, ước nguyện và thông điệp mà chúng muốn gửi gắm.

+ Đảm bảo hình thức đoạn văn khoảng năm câu, diễn tả cảm xúc bằng ngôi thứ nhất.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Ngày soạn: ..../..../....

Ngày dạy: ..../..../.....

**Bài 1:** **TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT**

**Tiết: ........**

**Văn bản 2:**

**SANG THU**

***Hữu Thỉnh***

1. **MỤC TIÊU:**
2. *Về năng lực:*
3. *Năng lực chung:*

Giúp học sinh có khả năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm.

1. *Năng lực đặc thù:*

- Nhận biết được một số chi tiết đặc điểm của thể thơ năm chữ: hình ảnh, vần nhịp, số câu, số tiếng

- Thể hiện những suy nghĩ, cảm nhận về một hình ảnh thơ, khổ thơ, tác phẩm thơ.

- Cảm nhận và phân tích cảm xúc tinh tế của nhà thơ thông qua các hình ảnh thơ

- Nhận ra được điểm khác biệt trong cách cảm nhận về mủa thu của thơ Hữu Thỉnh.

*2. Về phẩm chất:*

- Giúp học sinh biết yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời, cảm nhận được bước đi của thời gian qua sự thay đổi của thiên nhiên, vạn vật

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Lập kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên

- Phiếu học tập

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

*Hoạt động 1: Xác định vấn đề*

**1. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS

- Kích thích HS tìm hiểu về vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước qua các mùa trong năm

**2. Nội dung:**

- GV đưa ra câu hỏi gợi mở

- HS trả lời

- GV nhận xét, đánh giá, chốt ý kết nối với văn bản

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần chuyển dẫn của GV

**4. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**- GV** chiếucho HS xem đoạn video kể về bốn mùa và đặt câu hỏi:

Em ấn tượng với mùa nào nhất trong năm? Vì sao?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi video, suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo và thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

* GV nhận xét câu trả lời của HS
* GV bắt dẫn vào bài:

Thiên nhiên đất trời Việt nam có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông; mỗi mùa có những vẻ đẹp riêng và lợi ích riêng của nó. Mùa thu đến, thi sĩ Xuân Quỳnh đã có sáng tác rất hay về mùa thu.

Cuối trời mây trắng bay

Lá vàng thưa thớt quá

Phải chăng lá về rừng

Mùa thu đi cùng lá

Mùa thu ra biển cả

Vậy vì sao mùa thu lại là nguồn cảm hứng vô tận của thi nhân. Bài học hôm nay cô trò chúng ta sẽ tìm hiểu về vẻ đẹp của mùa thu qua bài thơ “Sang thu”

*Hoạt động2: Hình thành kiến thức mới:*

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| 1. **Mục tiêu:**   - Giúp HS rèn luyện năng lực tìm hiểu thông tin, giải quyết vấn đề  - Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Hữu Thỉnh và bài thơ "Sang thu"  **b. Nội dung:**  - HS tìm hiểu ở nhà.  - GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho học sinh  **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng video, phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| 1. **Tác giả**   **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * Yêu cầu học sinh đọc SGK và trả lời câu hỏi   ? Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Hữu Thỉnh?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**   * GV hướng dẫn học sinh đọc sgk * HS quan sát sgk và trả lời   **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình | **1. Tác giả:**  - Hữu Thỉnh: tên thật Nguyễn Hữu Thỉnh sinh 1942 quê ở Tam Dương - Vĩnh Phúc  - Ông tham gia quân đội và bắt đầu sáng tác thơ từ năm 1963  - Thơ ông thường có những liên tưởng độc đáo thể hiện những suy tưởng giàu chất nhân văn và cái nhìn mang màu sắc triết lí về cuộc sống  - Một số tác phẩm tiêu biểu: Thư mùa đông, Trường ca biển, Từ chiến hào tới thành phố, ... |
|  | |
| 1. **Tác phẩm**   **\* Đọc và tìm hiểu chú thích**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Bài thơ được viết theo thể thơ nào?  ? Chú ý văn bản: có hai từ: “chùng chình”, “dềnh dàng”, em hiểu nghĩa của hai từ này như thế nào?  ? Xét về từ loại hai từ này thuộc từ loại nào?  ? Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).    - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau  **\* Trải nghiệm cùng văn bản**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV hỏi, HS trả lời  ? Bài thơ Sang thu được sáng tác vào năm nào?  ? Xác định và chỉ ra PTBĐ chính và thể thơ trong bài thơ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trả lời câu hỏi  - Nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang nhiệm vụ tiếp theo. | **2. Trải nghiệm cùng văn bản:**  **\* Đọc và tìm hiểu chú thích:**  - Học sinh đọc đúng: giọng nhẹ nhàng, nhịp chậm khoan thai, trầm lắng và thoáng suy tư  - Tìm hiểu từ ngữ khó: chùng chình, dềnh dàng, ...     * Xuất xứ: Sang thu được sáng tác vào năm 1977 * Thể thơ: Năm chữ * PTBĐ chính: biểu cảm * Bố cục: 3 phần   + Khổ 1: Tín hiệu giao mùa;  + Khổ 2: Sự chuyển biến của đất trời vào thu;  + Khổ 3: Sang thu – suy ngẫm và triết lí   * Nhan đề: |
| 1. **SUY NGẪM, PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những cách gieo vần và ngắt nhịp và mạch cảm xúc của nhà thơ qua bốn khổ thơ  - Đánh giá chung về thể thơ năm chữ  **b. Nội dung**:  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| 1. **Khổ 1: Vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa  **b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GV cảm nhận khổ thơ  **c. Sản phẩm:** vở ghi HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Chia lớp làm 4 nhóm  - Phát phiếu học tập số 1 và giao nhiệm vụ:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **VẺ ĐẸP THIÊN NHIÊN TRONG KHOẢNH KHẮC GIAO MÙA**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung câu hỏi** | **Dự kiến sản phẩm** | | Những tín hiệu báo thu sang |  | | Những từ ngữ thể hiện cái nhìn của nhà thơ? |  | | Tâm trạng nhà thơ được thể hiện qua những từ ngữ nào? |  |   a.?Tác giả cảm nhận mùa thu sang bắt đầu từ đâu? Theo em “gió se” là gió như thế nào?  ? Tại sao ở đây tác giả không dùng từ “bay” “lan” mà lại dùng “phả”?  ? Trong khổ thơ tín hiệu đầu tiên nào giúp nhà thơ nhận ra sự biến đổi của đất trời?  b.? Qua từ ngữ nào thể hiện rõ cái nhìn của nhà thơ về những dấu hiệu biến đổi đó?  c.? Trước sự giao mùa của đất trời, nhà thơ Hữu Thỉnh đã bộc lộ tâm trạng gì? Tâm trạng ấy được thể hiện qua những từ ngữ nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  **HS:**  - HS hoạt động cá nhân: 2 phút  - HS thảo luận: 3 phút  - Đại diện trình bày  **GV:** theo dõi vàhướng dẫn học sinh trả lời  **B3:** **Báo cáo sản phẩm (HS)**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang khổ 2 | **1. Khổ 1: Vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa:**  **- Tín hiệu báo thu sang:**  **+** Hương ổi:  + Gió se: ngọn gió heo may lành lạnh đủ để dậy cảm xúc trong ta khiến ta có cảm thấy lâng lâng, dễ chịu trước khoảnh khắc giao mùa  + Sương chùng chình qua ngõ -> *những hạt sương thu mềm mại, ươn ướt giăng màn qua ngõ*  - **Nghệ thuật:**  + Từ láy tượng hình: *chùng chình* -> cố ý chậm lại  + Nhân hóa: *sương chùng chình* -> *Sương giăng mắc nhẹ nhàng, chuyển động chầm chậm nơi đường thôn ngõ xóm, ngập ngừng, lưu luyến, bịn rịn như có tâm hồn.*  *+ Nhịp thơ có sự thay đổi (3/2 -> 2/3) -> tình cảm, cảm xúc của tác giả.*   * ***Cảm xúc ngỡ ngàng, bâng khuâng của nhà thơ trước sự biến chuyển nhịp nhàng của cảnh vật trong khoảnh khắc giao mùa***. |
| 1. **Khổ 2: Những chuyển biến của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những chuyển biến của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa  **b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GV cảm nhận khổ 2  **c. Sản phẩm**: vở ghi HS  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Chia cặp và yêu cầu hs thực hiện các nhiệm vụ:  ? Trong khổ thơ này hình ảnh thiên nhiên sang thu tiếp tục được nhà thơ phát hiện bằng những chi tiết nào?  ? Khi miêu tả con sông mùa thu, tác giả sử dụng từ “dềnh dàng”. Em hiểu từ này như thế nào?  ? Từ cách hiểu đó giúp em hiểu dòng sông thu như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**   * HS thảo luận theo cặp và ghi kết quả ra giấy (5p) * GV quan sát và hỗ trợ học sinh   **B3: Báo cáo, thảo luận:**   * GV mời đại diện một số nhóm trả lời * HS theo dõi và nhận xét, bổ sung (nếu cần)   **B4: Kết luận, nhận định của GV:**   * Nhận xét thái độ làm việc và nội dung của các nhóm * Chốt kiến thức chuyển sang khổ 3 | * Hình ảnh thiên nhiên:   + Sông dềnh dàng  + Chim vội vã  + Đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu -> ranh giới cụ thể giữa hạ và thu   * Nghệ thuật: từ láy *dềnh dàng*, *vội vã* -> sự chuyển mình của thiên nhiên tạo vật từ hạ sang thu * ***Không gian và cảnh vật như đang chuyển mình, điềm tĩnh bước sang thu***. |
| **Khổ 3: Vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa** | |
| **a. Mục tiêu:**  Giúp HS nắm được vẻ đẹp của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa.  **b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GVcảm nhận khổ 3  **c. Sản phẩm:** vở ghi HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Sử dụng kĩ thuật khăn phủ bàn**  Chia lớp làm 4 nhóm và giao nhiệm vụ:  ? Khổ thơ thứ 3 thiên nhiên sang thu được gợi bằng những hình ảnh nào? Em hiểu gì về cái nắng trong thời điểm giao mùa này?  ? Khi miêu tả về những cơn mưa tác giả sử dụng từ “vơi dần” điều đó có ý nghĩa gì?  ? Em hiểu câu thơ 3,4 này như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ;**  **HS:**   * Tiếp nhận yêu cầu * Làm việc cá nhân * Làm việc nhóm   **GV:** theo dõi học sinh trao đổi, hướng dẫn học sinh (nếu cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  HS theo dõi bạn trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **B4: Đánh giá kết quả (GV)**   * Nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh * Chốt ý | * Hình ảnh thiên nhiên:   + Nắng vẫn còn nhưng đã nhạt dần  + Mưa cũng vơi và ít dần  + Sấm cũng bớt bất ngờ  + Hàng cây cổ thụ không còn giật mình bởi những tiếng sấm   * Thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa đang biến đổi chậm dần chứ không vội vã. * Nghệ thuật: ẩn dụ   + Sấm: chỉ cái bất thường của ngoại cảnh  + Hàng cây đứng tuổi: những con người lớn tuổi, từng trải.   * Hai câu thơ không còn chỉ tả cảnh sang thu mà đã chất chứa suy nghiệm về con người và cuộc đời |
| 1. **TỔNG KẾT** | |
| **a. Mục tiêu:**  Giúp HS nắm được giá trị Nội dung cần đạt và nghệ thuật của bài thơ.  **b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GV khái quát giá trị tác phẩm  **c. Sản phẩm:** vở ghi HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nêu những nét đặc sắc nghệ thuật về: ngôn ngữ, cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh…  ? Với những thành công về nghệ thuật, bài thơ đã làm nổi bật nội dung gì?  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **TỔNG KẾT**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung câu hỏi** | **Dự kiến sản phẩm** | | Những đặc điểm của thể thơ năm chữ được thể hiện trong bài thơ. |  | | Những từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong bài thơ. |  | | Tâm trạng, cảm xúc của tác giả trong bài thơ. |  |   **B2: Thực hiện nhiệm vụ (HS)**   * Đọc yêu cầu * Hoạt động cá nhân * Hoạt động nhóm   **B3: Báo cáo, thảo luận (HS và GV)**   * HS trả lời, HS các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu có) * GV theo dõi, hướng dẫn học sinh   **B4: Nhận xét, đánh giá:**   * Nhận xét quá trình làm việc của học sinh * Chốt kiến thức | 1. **Nghệ thuật:**   - Thể thơ 5 chữ tinh tế nhẹ nhàng mà gợi cảm sâu sắc. Sử dụng nhiều từ ngữ gợi cảm giác và trạng thái.  - Hình ảnh chọn lọc mang nét đặc trưng của sự giao mùa  2**. Nội dung:**  Bài thơ *Sang thu* là cảm nhận tinh tế của nhà thơ Hữu Thỉnh về cảnh đất trời sang thu có những biến chuyển nhẹ nhàng và rõ rệt. Đồng thời thể hiện lòng yêu thiên nhiên tha thiết và suy ngẫm của nhà thơ |

*3. Hoạt động luyện tập:*

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học về thơ và hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ để biết cách quan sát, cảm nhận thiên nhiên.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Đọc bài thơ *Sang thu*, em học được gì về cách quan sát và cảm nhận thiên nhiên của tác giả?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**

* HS nghe nhiệm vụ
* HS trả lời ý kiến của mình
* GV nghe và nhận xét

*4. Hoạt động vận dụng: Viết ngắn*

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày

**\*Phương thức thực hiện**: HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**

Chọn một từ ngữ trong bài thơ mà em cho là hay nhất. Viết ít nhất một câu để giải thích cho sự lựa chọn của em.

**\* HS tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu**

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Tìm đọc những tác phẩm viết về mùa thu

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở

- Chuẩn bị bài: *Ông Một*

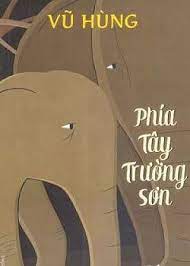
Ngày soạn :…………….

Ngày dạy: ……………..

Bài 1: TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT

**Đọc kết nối chủ điểm**

**ÔNG MỘT**

 - Vũ Hùng –

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực**

a. Năng lực chung:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề.

b. Năng lực đặc thù :

- Nhận biết được thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong văn bản.

- Cảm nhận được những tình cảm và vẻ đẹp từ thiên nhiên nhiên , vạn vật.

- Tóm tắt ngắn gọn văn bản .

- Nêu được suy nghĩ, cảm nhận của bản thân sau khi đọc văn bản

**2. Về phẩm chất:**

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân , phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái với thế giới vạn vạn, trân trọng sự sống của muôn loài yêu quê hương, biết trân trọng những giá trị trong cuộc sống hằng ngày mà thiên nhiên ban tặng.

**II. THIẾT BỊ DẠY VÀ HỌC**

- Kế hoạch dạy học, Sách giáo khoa, Sách giáo viên

- Phiếu học tập

- Bảng phụ, bảng nhóm, máy chiếu.

**III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

Hoạt động 1: Xác định vấn đề

**1. Mục tiêu:**

- Học sinh xác định được nội dung chính trong bài học

**2. Nội dung:**

Gv: Đưa ra câu hỏi gợi mở

Hs: Theo dõi và trả lời câu hỏi

Gv: Từ đó kết nối với văn bản

**3. Sản phẩm:**

- Câu trả lời của học sinh và lời chuyển dẫn của Gv

**4. Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ ( Gv )

- Đưa ra câu hỏi: “ Theo các bạn, thế giới loài vật có sợi dây tình cảm như con người không ? Vì sao? Em đã từng chứng kiến hay đọc câu chuyện nào có thật về loài vật cứu con người chưa”..

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs suy nghĩ câu trả lời

B3: Báo cáo thảo luận

- Hs đưa ra những cảm nhận , suy nghĩ cá nhân

B4: Đánh giá nhận định

- Gv nhận xét, đánh giá cho học sinh coi clip về chú chó trung thành và dẫn dắt vào bài: Sau khi học xong 2 văn bản” Lời của hạt ” và “ Sang thu ” các con có từng nghĩ “ Thế giới cỏ cây , hoa lá, loài vật và con người liệu có sợi dây tình cảm nào không ?” . Và chắc mỗi bạn đều có cho mình 1cảm nhận và câu trả lời riêng. Để có thể trả lời cho câu hỏi này, chúng ta cùng tìm hiểu thêm văn bản “ Ông Một ” để có cái nhìn rõ hơn về sợi dây tình cảm giữa thế giới loài vật và con người nhé.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **a.** **Mục tiêu**: Năng lực tìm hiểu thông tin, năng lực giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề, Tóm tắt ngắn gọn văn bản .  **b.** **Nội dung**:  **GV:** sử dụng tạo nhóm đôi để tìm hiểu về tác giả, đặt câu hỏi để HS tìm hiểu văn bản.  **HS** : dựa vào phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà để thảo luận nhóm cặp đôi và trả lời những câu hỏi của GV. | |
| **c.** **Tổ chức thực hiện** | **d.** **Sản phẩm** |
| 1. **Tác giả**   **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm cặp đôi (theo bàn).  - Yêu cầu HS mở phiếu học tập GV đã giao về nhà , trao đổi với bạn cùng nhóm để trao đổi thông tin.    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs trao đổi thông tin dựa trên phiếu học tập đã chuẩn bị , thống nhất và bổ sung ( nếu cần )  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Đánh giá kết quả**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  **2. Tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  a. Đọc  - Hướng dẫn đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát, diễn cảm.  b. Yêu cầu HS tiếp tục quan sát phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà và trả lời các câu hỏi còn lại:  - Nêu xuất xứ của văn bản ?  - Ngôi kể ?  - Tóm tắt:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **Gv:** Hướng dẫn HS cách đọc và tóm tắt.  **Hs:** Đọc văn bản, các em khác theo dõi, quan sát bạn đọc. Xem lại nội dung phiếu học tập đã chuẩn bị ở nhà.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái đọc tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin (nếu cần) và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **1. Tác giả:**  - Vũ Hùng ( sinh năm 19310 ) tại Hà Nội.  - Ông là nhà văn viết hơn 40 tác phẩm cho thiếu nhi chỉ với đề tài duy nhất về thiên nhiên, rừng, muông thú.  - Tác phẩm tiêu biểu: Sống giữa bầy voi, Mùa săn trên núi…  2. Tác phẩm  - Xuất xứ: Trích trong cuốn “ Phía Tây Trường Sơn”  - Ngôi kể: thứ 3  - Tóm tắt: Truyện kể về con voi (ông Một ) của Đề đốc Lê Trực – 1 lãnh tụ của nghĩa quân trong thời kì kháng chiến chống Pháp cuối thế kỉ XIX. Sau khi bị vây hãm, nghĩa quân tan tác, Đề đốc Lê Trực buộc phải về quê và tặng con voi cho quản tượng thân tín của mình chăm sóc. Nhưng con voi nhớ ông Đề đốc, nhớ chiến trận, nhớ rừng. Mặc dù được người quản tượng hết lòng chăm sóc, yêu thương nhưng con voi vẫn ủ rũ và buồn thiu. Quản tượng quyết định thả nó về rừng. Sau đó, hằng năm mỗi độ sang thu nó lại về làng thăm quản tượng và dân làng. Được 10 năm như thế, khi ông quản tượng qua đời, nó buồn bã trở nên lặng lẽ. Từ đó, mấy năm nó mới lại xuống làng, đảo qua nhà cũ, tha thẩn trong sân, tung vòi hít ngửi khắp chỗ, rên khe kẽ và âm thầm bỏ đi. |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| 1. **Tình cảm của chú voi đối với Đô đốc và người quản tượng.** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Năng lực giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề.  - Nhận diện các chi tiết tiêu biểu  - Nhận diện và thực hành các kiến thức Tiếng Việt đã học  **b. Nội dung**  - Gv sử dụng Kt khăn trải bàn để tìm hiểu các chi tiết thể hiện tình cảm của voi dành cho Đô đốc và người quản tượng.  - Hs làm việc nhóm | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chia nhóm lớp làm 4 tổ  - Hoàn thiện phiếu học tập,    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS : Mỗi tổ cử ra thư kí ghi lại những ý kiến thống nhất của nhóm.  - Quan sát những chi tiết trong SGK  - Thảo luận những chi tiết đã chuẩn bi ở phiếu học tập và đưa ra đáp án thống nhất.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  GV:Yêu cầu HS trình bày bằng bảng nhóm  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm.  - HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét câu trả lời của HS.  - Chốt kiến thức, bình giảng và chuyển dẫn sang mục sau. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **1.Tình cảm của chú voi đối với Đô đốc và người quản tượng.** | | | |  | Đề đốc  Lê Trực | Người quản tượng | | Chi tiết thể hiện | - Rời căn cứ, nó nhớ ông Đề đốc, nhớ chiến trận.  - Nó chỉ khuây khỏa lúc làm việc rồi lại đứng buồn thiu.  - Nó héo đi như chiếc lá già. | - Nó vẫn giúp quản tượng kéo gỗ, phá rẫy.  - Khi được thả về rừng, hằng năm khi sang thu, nó lại xuống làng, rống gọi rộn ràng từ xa  - Nó về mái nhà cũ, quỳ giữa sân.  - Nó ở lại vài bữa, giúp ông đủ việc  - Khi biết quản tượng mất, nó chạy vào nhà, hít hà giường cũ, buồn bã đi ra, chạy khắp làng tìm chủ.  - Sau khi người quản tượng mất, nó đảo qua nhà, tha thẩn trong sân, tung vòi hít ngửi khắp chỗ, rên khe kẽ và âm thầm bỏ đi. | | Nhận xét: | -> Lời văn nhẹ nhàng kết hợp biện pháp nhân hóa, so sánh.  => Qua đó, thể hiện tình cảm gắn bó, yêu mến, thủy chung của Ông Một đối với Đề đốc và người quản tượng. | | |
| 1. **Tình cảm của người quản tượng và dân làng với con voi** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Năng lực giao tiếp, hợp tác và giải quyết vấn đề.  - Nhận diện các chi tiết tiêu biểu  - Nhận diện và thực hành các kiến thức Tiếng Việt đã học  **b. Nội dung**  - Gv sử dụng Kt đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm để tìm hiểu các chi tiết thể hiện tình cảm của người quản tượng và dân làng dành cho ông Một  - Hs làm việc nhóm | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv: Phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ    **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** đọc vb và tìm chi tiết  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **-** HS trình bày bằng bảng phụ  - Các nhóm còn lại theo dõi và nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức,bình giảng, cho học sinh coi clip về chú chó Hachiko :Đến đây, các con đã có thể trả lời cho câu hỏi “ Thế giới loài vật và con người có sợi dây tình cảm nào không ?” . Nhưng cô tin rằng , sau khi học xong văn bản “ Ông Một ”và coi clip về 1 câu chuyện có thật về chú chó Hachiko thì mỗi bạn đều có cho mình 1cảm nhận và câu trả lời riêng. Qua đó, cô càng thấy 1 điều Mẹ Thiên nhiên tạo hóa thật kì diệu, giữa con người và loài vật hay giữa con người và cỏ cây hoa lá đều có những mối liên hệ riêng. Chỉ có điều con người chúng ta có đủ tinh tế, đủ tình cảm để nhận ra những điều đó hay không…  - GV chuyển sang phần tiêp. | |  |  | | --- | --- | | **2.Tình cảm của người quản tượng và dân làng với con voi** | | | Chi tiết thể hiện | - Dân làng gọi con voi bằng cái tên đầy thân thuộc "Ông Một".  - Người quản tượng chăm sóc, vỗ về, coi voi như anh em trong nhà.  - Khi voi từ rừng xa trở lại, ông mừng như trẻ lại, tắm cho nó, trồng riêng bãi mía cho nó và thiết đãi nó những bữa no nê.  - Dân làng nô nức đón nó từ đầu làng, lũ trẻ kéo đến xúm xít dưới chân voi, các bô lão đem đến cho nó đủ thứ quà. | | Nhận xét | -> Sử dụng biện pháp nhân hóa, từ láy  => Từ đó, ta cảm nhận không chỉ quản tượng mà cả dân làng đã coi Ông Một giống như người thân của họ, hiểu tâm tính và yêu quí, tông trọng voi. Họ chờ đợi, háo hức đón voi về thăm như đón người thân đi xa trở về. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. LUYỆN TẬP** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Củng cố, vận dụng những kiến thức đã học  **b. Nội dung**  - Gv đưa ra đề bài | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đưa ra nhiệm vụ: Mỗi bạn sẽ tự vẽ lại một bức tranh ( đã chuẩn bị sẵn ) với chủ đề “ Tiếng nói của vạn vật” và đưa ra thông điệp của bức tranh đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs chuẩn bị  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS nhận xét  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. | - Các bức tranh và thông điệp của học sinh. |

|  |  |
| --- | --- |
| **IV. VẬN DỤNG VÀ HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Củng cố, vận dụng những kiến thức đã học để viết đoạn văn hoàn chỉnh.  - Hướng dẫn học sinh tự học bài ở nhà.  **b. Nội dung**  - Gv sử dụng câu hỏi gợi mở, nhắc lại tri thức | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: “ Viết đoạn văn từ 10 đến 12 câu nêu cảm nhận của em sau khi học xong văn bản “ Ông Một ”.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs suy nghĩ làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  **- Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà.**  + Vẽ sơ đồ tư duy về các kiến thức đã học trong bài “ Ông Một ”  + Đọc và chuẩn bị phần Thực hành Tiếng Việt. | **-** Về hình thức:1 đoạn văn, đúng nội dung yêu cầu  - Nội dung:  + Câu mở đoạn , giới thiệu tên văn bản, tác giả  + Ghi lại những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân  + Chi tiết nào để lại ấn tượng nhất? Vì sao ?  + Kết đoạn |

***Những vấn đề cần lưu ý sau bài dạy***

**Bài 1: TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm và tác dụng của phó từ.

**2. Về năng lực**

1. ***Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được phó từ và phân tích được công dụng của phó từ.

- Biết cách sử dụng phó từ trong khi viết, nói.

1. ***Năng lực chung***

- Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác: chủ động, tự tin trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm; trong hoạt động thực hành tiếng Việt với giáo viên.

- Phát triển năng lực tự chủ, tự học: chủ động, tích cực hoàn thành các nhiệm vụ học tập được chuyển giao trước buổi học trong các hoạt động học tập.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thông qua việc thực hành các dạng bài tập tiếng Việt nâng cao.

**3. Về phẩm chất:**

- Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ: tích cực trong việc thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Bồi dưỡng phẩm chất trách nhiệm và khả năng tự học: biết tự chịu trách nhiệm với sản phẩm, kết quả học tập của bản thân.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**2. Học liệu**

- Tri thức tiếng Việt.

- Hình ảnh liên quan đến nội dung trong tiết.

**III. Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho học sinh kết nối vào nội dung bài học.

**b. Nội dung**: GV yêu cầu HS lắng nghe phần giải thích của GV và tham gia trò chơi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời được thể hiện ở hành động của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** |  |  |  |  |  | **P** | H | Ả |  |
| **2** |  | H | Ữ | U | T | **H** | Ỉ | N | H |
| **3** |  |  |  | G | I | **Ó** | B | Ắ | C |
| **4** |  |  | T | H | Ì | **T** | H | Ầ | M |
| **5** | T | Í | N | H | T | **Ừ** |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV tổ chức trò chơi **“Ô chữ bí mật”**  **Hàng ngang 1** (có 3 kí tự): Điền từ còn thiếu để hoàn thành những câu thơ sau: **P**/H/Ả  “Bỗng nhận ra hương ổi  ... vào trong gió se  Sương chùng chình qua ngõ  Hình như thu đã về.”  **Hàng ngang 2** (có 8 kí tự): Bài thơ *“Sang thu”* là sáng tác của nhà thơ nào? H/Ữ/U/T/**H**/Ỉ/N/H  **Hàng ngang 3** (có 6 kí tự): Điền từ còn thiếu vào câu sau: ... là gió từ phương Bắc thổi về, lạnh, gây rét nên có hại cho cây cối, mùa màng. G/I/**Ó**/B/Ắ/C  **Hàng ngang 4** (có 7 kí tự): Trong bài thơ *“Lời của cây”*, khi hạt đã nảy mầm, mầm cây thế nào? T/H/Ì/**T**/H/Ầ/M  **Hàng ngang 5** (có 6 kí tự): Em hãy cho biết từ *“bé”* trong đoạn thơ sau thuộc loại từ nào? T/Í/N/H/T/**Ừ**  “Khi cây đã thành  Nở vài lá **bé**  Lá nghe màu xanh  Bắt đầu bập bẹ”  - HS tiếp nhận nhiệm vụ. | - Hàng ngang 1: Phả  - Hàng ngang 2: Hữu Thỉnh  - Hàng ngang 3: Gió bắc  - Hàng ngang 4: Thì thầm  - Hàng ngang 5: Tính từ |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân. |
| *Báo cáo thảo luận* | HS trình bày cá nhân. |
| *Kết luận nhận định* | - GV nhận xét, chốt kiến thức theo từng vấn đề.  - GV dẫn dắt vào bài học mới. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết đặc điểm và hiểu tác dụng của phó từ.

**b. Nội dung**: GV yêu cầu học sinh đọc thầm phần tri thức tiếng Việt, yêu cầu HS lắng nghe phần hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV yêu cầu HS đọc tri thức Tiếng Việt và yêu cầu HS quan sát và lắng nghe GV giảng giải về khái niệm phó từ và các loại phó từ.   1. **Phó từ**   **Ví dụ 1:** Các bạn **đang** dọn rác.  **Ví dụ 2:** Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn **lắm**.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi:   * Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho từ nào? Những từ được bổ sung ý nghĩa thuộc từ loại nào? * Các từ in đậm đứng ở vị trí nào trong cụm từ?  1. **Các loại phó từ**  * **Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ.**   Ngữ liệu: **Những** cây non được chúng tôi chăm bón kĩ lưỡng.  *🢥 Bổ sung ý nghĩa về số lượng cho danh từ.*   * **Nhóm phó từ chuyên đứng trước hoặc sau động từ, tính từ.**   Ngữ liệu:   * Đầu tôi to **ra** nổi từng tảng **rất** bướng.   *🢥 Phó từ “ra” đứng sau tính từ “to” bổ sung ý nghĩa chỉ kết quả và hướng.*  *🢥 Phó từ “rất” đứng trước tính từ “bướng” bổ sung ý nghĩa về mức độ.*   * Anh **đừng** trêu vào.   *🢥 Phó từ “đừng” đứng trước động từ “trêu” bổ sung ý nghĩa cầu khiến.*  - GV phát phiếu học tập, HS sẽ sắp xếp các từ cho sẵn để hoàn thành bảng sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP**  Cho các từ: ***sẽ, thật, cũng, ra, đã, chớ, lắm, sắp, không, hãy, chẳng, hơi, đều, rồi, xong, quá, còn, chưa, rất, đang, vẫn, vào, được, đừng.***  Em hãy sắp xếp các từ trên vào bảng phân loại theo mẫu sau:  **CÁC LOẠI PHÓ TỪ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Phó từ đứng trước | Phó từ đứng sau | | Chỉ quan hệ thời gian |  |  | | Chỉ mức độ |  |  | | Chỉ sự tiếp diễn tương tự |  |  | | Chỉ sự phủ định |  |  | | Chỉ sự cầu khiến |  |  | | Chỉ kết quả và hướng |  |  | | Chỉ khả năng |  |  | | | 1. **Phó từ**   - Phó từ là những từ chuyên đi kèm với danh từ, động từ, tính từ nhằm bổ sung ý nghĩa cho các từ loại này.   1. **Các loại phó từ**   **-** Nhóm phó từ chuyên đi kèm trước danh từ.  - Nhóm phó từ chuyên đứng trước hoặc sau động từ, tính từ.  - Hoàn thành phiếu học tập. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS hoạt động cá nhân. |
| *Báo cáo thảo luận* | HS trình bày cá nhân. |
| *Kết luận nhận định* | GV nhận xét, chốt kiến thức theo từng vấn đề. |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP**  Cho các từ: ***sẽ, thật, cũng, ra, đã, chớ, lắm, sắp, không, hãy, chẳng, hơi, đều, rồi, xong, quá, còn, chưa, rất, đang, vẫn, vào, được, đừng.***  Em hãy sắp xếp các từ trên vào bảng phân loại theo mẫu sau:  **CÁC LOẠI PHÓ TỪ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Phó từ đứng trước | Phó từ đứng sau | | Chỉ quan hệ thời gian | *đã, đang, sắp, sẽ, ...* |  | | Chỉ mức độ | *rất, thật, hơi, quá, ...* | *lắm* | | Chỉ sự tiếp diễn tương tự | *cũng, vẫn, đều, còn, ...* |  | | Chỉ sự phủ định | *không, chưa, chẳng, ...* |  | | Chỉ sự cầu khiến | *đừng, hãy, chớ, ...* |  | | Chỉ kết quả và hướng |  | *vào, ra, rồi* | | Chỉ khả năng |  | *được, xong* | | | | |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được phó từ và ý nghĩa của phó từ.

- Nắm rõ đặc điểm và hiểu tác dụng của từ đa nghĩa và từ đồng âm.

- Chỉ ra được tác dụng của nghệ thuật nhân hóa, lựa chọn từ ngữ thích hợp trong câu, ngữ liệu.

**b. Nội dung**: GV hướng dẫn HS thực hiện các bài tập trong SGK.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập, câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Chuyển giao nhiệm vụ* | - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi thực hiện bài tập 1 và 2.  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm thực hiện theo yêu cầu ở bài tập 3, 4, 5.  - GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân bài tập 6. |  |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | *- Học sinh hoạt động nhóm đôi, thảo luận nhóm và cá nhân theo hướng dẫn.* |
| *Báo cáo thảo luận* | - GV mời 1-2 cặp học sinh trả lời.  - GV mời đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Gv mời 1- 2 HS trả lời. |
| *Kết luận nhận định* | GV chốt đáp án sau mỗi bài tập. |
| Bài tập 1:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Phó từ** | **Bổ sung cho DT/Đt/TT** | **Ý nghĩa bổ sung** | | **a** | chưa | gieo | phủ định | | **b** | đã | thì thầm | thời gian | | **c** | - vẫn - đã  - cũng | - còn  - vơi  - bớt | - chỉ sự tiếp diễn tương tự  - thời gian  - khẳng định về một sự giống nhau của hiện tượng, trạng thái. | | **d** | - hay  - được  - lắm  - những  - một | - nhắm  - đoán  - tiến bộ  - buổi chiều, bông hoa  - hôm | - thường xuyên  - kết quả  - mức độ  - số lượng  - số lượng | | **đ** | - vẫn  - những  - chỉ  - lại | - giúp  - từ lúc  - khuây khỏa  - đứng | - tiếp diễn tương tự  - số lượng  - giới hạn phạm vi  - tiếp diễn tương tự | | **e** | - mọi  - đều | - tiếng  - vô ích | - số lượng  - sự đồng nhất về tính chất của nhiều đối tượng |   Bài tập 2:  a. Phó từ sẽ bổ sung ý nghĩa cho từ *lớn* về *thời gian.*  b. Phó từ đã bổ sung ý nghĩa cho từ *về* chỉ *thời gian*.  c. Phó từ cũng bổ sung ý nghĩa cho từ *cho* để chỉ *sự tiếp diễn tương tự của hoạt động.*  d. - Phó từ quá bổ sung ý nghĩa cho từ *quen* để chỉ *mức độ*.  - Phó từ được bổ sung ý nghĩa cho từ *xa rời* để chỉ *kết quả*.  Bài tập 3:   * Gợi ý: HS sẽ mở rộng câu, nhận xét dựa trên ý nghĩa của phó từ. * Ví dụ:   a. Trời tối.   * Trời đã tối *(chỉ thời gian)* * Trời tối quá! *(chỉ mức độ)*   b. Bọn trẻ đá bóng ngoài sân.   * Bọn trẻ đang đá bóng ngoài sân. *(chỉ thời gian)* * Bọn trẻ không đá bóng ngoài sân. *(chỉ sự phủ định)*   Bài tập 4: (Tùy theo cách diễn đạt của HS)  Có 2 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ:  - Biện pháp tu nhân hóa *(thì thầm)*. Tác dụng: Làm cho hình ảnh hạt mầm hiện lên sinh động, đồng thời thể hiện trong cảm nhận của tác giả hạt mầm giống như một con người.  - Biện pháp tu từ ẩn dụ *(giọt sữa).* Tác dụng: góp phần khắc họa sinh động hình ảnh hạt mầm mới nhú có hình dáng và màu sắc trắng đục như giọt sữa đồng thời thể hiện tình cảm yêu thương, trìu mến của tác giả danh cho hạt mầm.  Bài tập 5:  - Phả: (hơi, khí) bốc mạnh và toả ra thành luồng.  - tỏa: (từ một điểm) lan truyền ra khắp xung quanh.  - Quyện: cùng với nhau làm thành một khối không thể tách rời, tựa như xoắn chặt, bện chặt vào nhau  🡒 *Hương ổi chín được cơn gió nhẹ thổi tỏa ra và hòa vào không gian thành luồng báo hiệu mùa thu đã đến nên dùng từ “phả” là thích hợp nhất.*  Bài tập 6:  - Theo em, từ *dềnh dàng* trong đoạn thơ nên hiểu theo nghĩa (1) chậm chạp, không khẩn trương, để mất nhiều thì giờ vào những việc phụ hoặc không cần thiết.  - Người đọc dễ dàng nhận ra nghĩa của cụm từ này vì những từ ngữ khác thể hiện trong đoạn thơ mang cùng nét nghĩa như “phả”, “chùng chình”, một sự chuyển mình có cái chậm, cái nhanh, cái nhẹ nhàng nhưng rõ ràng từ hạ sang thu. | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổ chức thực hiện | | Sản phẩm dự kiến |
| *Giao nhiệm vụ học tập* | *GV yêu cầu HS hóa thân thành một loài cây và viết đoạn văn từ 150 – 200 chữ trong đó sử dụng phó từ để chia sẻ với mọi người về quá trình trưởng thành của mình.*   * **Về hình thức:**   *Bài viết đảm bảo:*  *- Hình thức của đoạn văn, đúng dung lượng.*  *- Quy tắc chính tả, cấu trúc câu.*  *- Có sử dụng phó từ.*   * **Về nội dung:**   Hóa thân thành một loài cây và tự giới thiệu về bản thân.  - Lời tự giới thiệu của loài cây em hóa thân.  - Miêu tả khái quát về loài cây.  - Công dụng của loài cây.  - Khẳng định lại giá trị của loài cây mà em hóa thân. | **Viết ngắn:**  **Bài mẫu**     Xin chào, tôi là Cỏ bốn lá, là loài cỏ khá nhỏ và dễ thương. Tôi còn có tên gọi khác là Tứ Diệp Thảo. Bạn biết không, tôi là một cây cỏ khá hiếm đấy, bởi vì cứ 10.000 cỏ ba lá mới có một cỏ bốn lá, đặc biệt phải không? Bốn lá của tôi, 1 lá thể hiện cho "sự trung thành", lá thứ 2 thể hiện "niềm tin", lá thứ 3 là "Tình yêu" và lá cuối cùng, lá làm cho tôi thêm quý hiếm, là "may mắn". Vì là một loài cỏ, bạn dễ thấy chúng tôi ở các bụi cây ven đường, trong chậu hoa của lớp hay thậm chí là trong sân nhà bạn, thế nhưng, đó cũng chỉ là cỏ 3 lá thôi, nếu bạn tìm kĩ thì có thể bạn sẽ thấy tôi - cỏ bốn lá may mắn. Tôi có 1 hàm lượng chất dinh dưỡng cao và có nhiều thành phần biệt dược không chỉ có tác dụng tốt với con người mà ngay cả những gia súc trong nhà khi được nuôi bằng cỏ 3 lá và chúng tôi cũng trở nên khỏe mạnh và sản xuất ra nhiều sữa hơn. Các bạn chắc hẳn thắc mắc tôi được hình thành như thế nào? Tôi hình thành do sự đột biến trong thể xô-ma hoặc do một lỗi phát triển của môi trường. Quá là đặc biệt phải không? Tôi tự hào được gọi là Tứ Diệp Thảo, tôi không chỉ là một loại cỏ dại mà hơn hết tôi còn có những giá trị dược lí giúp ích cho con người. |
| *Thực hiện nhiệm vụ* | HS viết ngắn và dán vào tờ A0 theo tổ và trưng bày |
| *Báo cáo/ Thảo luận* | GV tổ chức cho HS xem và bình chọn đoạn văn hay nhất bằng cách dán ticker dấu sao |
| *Kết luận/ Nhận định* | GV nhận xét, ghi điểm |

**IV. Hồ sơ dạy học**

**BẢNG KIỂM VIẾT NGẮN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí  đánh giá | | Tiêu chuẩn  đạt yêu cầu | Chưa đạt  yêu cầu | Tự đánh giá  bài viết | |
| Đạt | Chưa đạt |
| 1 | Nội dung đoạn văn | Đúng yêu cầu: tình yêu thiên nhiên | Nội dung đi lệch yêu cầu đề |  |  |
| 2 | Dùng từ ngữ trong đoạn văn | Đảm bảo có ít nhất 1 phó từ | Không có phó từ |  |  |
| 3 | Hình thức đoạn văn | Đảm bảo hình thức (Viết hoa, lùi vào ở dòng đầu, kết thúc bằng dấu chấm câu) | Gạch đầu dòng, không viết lùi, không có dấu kết thúc câu |  |  |
| 4 | Dung lượng của đoạn văn | Đảm bảo dung lượng trong giới hạn150 – 200 chữ | Ít hơn 150 chữ hoặc nhiều hơn 200 chữ |  |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

Ngày soạn: .../..../....

Ngày dạy: .../.../.....

**Bài 1:** **TIẾNG NÓI CỦA VẠN VẬT**

**Tiết: .....**

**Đọc mở rộng theo thể loại**

**CON CHIM CHIỀN CHIỆN**

***Huy Cận***

1. **MỤC TIÊU:**
2. *Về năng lực:*
3. *Năng lực chung:*

* Giúp học sinh có khả năng giao tiếp, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm.

1. *Năng lực đặc thù:*

- Nhận diện được những đặc điểm của một bài thơ bốn chữ: vần, nhịp, hình ảnh, biện pháp tu từ, ...

- Xác định được tình cảm, cảm xúc của tác giả thể hiện trong bài thơ

- Nêu được chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi tới người đọc.

*2. Về phẩm chất:*

- Giúp học sinh biết yêu vẻ đẹp của thiên nhiên, trân trọng bảo vệ, giao hòa cùng thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Lập kế hoạch dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên

- Phiếu học tập

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

*Hoạt động 1: Xác định vấn đề*

**1. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS

- Kích thích HS tìm hiểu về vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước qua các hình ảnh thiên nhiên, vạn vật.

**2. Nội dung:**

- GV đưa ra câu hỏi gợi mở

- HS trả lời

- GV nhận xét, đánh giá, chốt ý kết nối với văn bản

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần chuyển dẫn của GV

**4. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**- GV** chiếucho HS xem đoạn video tiếng chim chiền chiện và đặt câu hỏi:

**Các em có biết đây là loài chim gì không?**

1. Đây là loài lông vũ, sinh sống chủ yếu gần các cánh đồng ở làng quê.
2. Loài chim này còn có tên gọi khác là Cà Lơi hay là Chim Sơn Ca.
3. Được mệnh danh là ca sĩ của thế giới loài chim.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi video, suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo và thảo luận**: HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

* GV nhận xét câu trả lời của HS
* GV bắt dẫn vào bài:

Vừa rồi chúng mình được nghe tiếng chim lảnh lót của chú chim chiền chiện. Chiền chiện là loài chim nhỏ thuộc bộ sẻ, có lông màu nâu xám thường tìm thấy ở các đồng quê, bụi cỏ. Đây được xem là loại chim có giọng hót rất hay khiến người ta thích thú ngay từ những giai điệu ban đầu. Nó còn được coi là loài chim biểu tượng cho niềm vui, niềm hi vọng, sự tự do, sáng tạo vào ngày mới. Dưới ngòi bút của nhà thơ Huy Cận, chiền chiện hiện lên sinh động như thế nào; cách quan sát của tác giả độc đáo ra sao và tại sao loài chim này lại có ý nghĩa biểu tượng đẹp như thế? Chúng ta cùng đi tìm hiểu bài thơ.

*Hoạt động2: Hình thành kiến thức mới:*

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| 1. **Mục tiêu:**   - Giúp HS rèn luyện năng lực tìm hiểu thông tin, giải quyết vấn đề  - Giúp HS nắm được những nét cơ bản về tác giả Huy Cận và bài thơ "Con chim chiền chiện"  **b. Nội dung:**  - HS tìm hiểu ở nhà.  - GV chia nhóm, giao nhiệm vụ cho học sinh  **c. Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng video, phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| 1. **Tác giả**   **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Học sinh thảo luận nhóm đôi**  ? Nêu những hiểu biết của em về nhà thơ Huy Cận?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**   * GV hướng dẫn học sinh đọc sgk * HS quan sát sgk và trả lời   **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình | **1. Tác giả: Huy Cận**   * Huy Cận tên thật là Cù Huy Cận (1919 – 2005), quê ở Hương Sơn, Hà Tĩnh * Ông là một chính khách, từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong Chính phủ Việt Nam * Là nhà thơ nổi tiếng của phong trào Thơ Mới. * Phong cách sáng tác: hồn thơ ảo não nhưng giàu chất suy tưởng * Các tác phẩm tiêu biểu: *Lửa thiêng*, *Trời mỗi ngày lại sáng*, *Đất nở hoa*, *Bài thơ cuộc đời*, *Hai bàn tay em* (tập thơ thiếu nhi)      1. **Trải nghiệm cùng văn bản:**  * Thể thơ: 4 chữ * Xuất xứ: Trích trong tập “Những bài thơ em yêu”, Phạm Hổ, Nguyễn Hiệp tuyển chọn, NXB Giáo dục 2004 |

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **SUY NGẪM, PHẢN HỒI** | |
| **a. Mục tiêu**: Giúp HS:  - Phát hiện được những nét đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ  - Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của nhà thơ được thể hiện trong bài thơ  - Rút ra được chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi đến người đọc thông qua bài thơ.  **b. Nội dung**:  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| 1. **Những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS phát hiện được những đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của bài thơ thông qua các từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ và vần nhịp  **b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GV bằng cách điền vào các phiếu học tập  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập, vở ghi của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Chia lớp làm 3 nhóm  - Phát phiếu học tập cho các nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm:  + Nhóm 1: tìm hiểu về những từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu và cho biết tác dụng của những từ ngữ, hình ảnh đó  + Nhóm 2: tìm và chỉ ra các biện pháp tu từ và cho biết tác dụng của các biện pháp tu từ ấy.  + Nhóm 3: chỉ ra nhữn đặc sắc về vần nhịp trong bài thơ.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  **HS:**  - HS hoạt động cá nhân: 2 phút  - HS thảo luận: 3 phút  - Đại diện trình bày  **GV:** theo dõi vàhướng dẫn học sinh trả lời  **B3:** **Báo cáo sản phẩm (HS)**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo | 1. Từ ngữ, hình ảnh  |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Tác dụng** | | Cánh đồng chan chứa “Những lời chim ca” | Vẻ đẹp của niềm vui và sự ấm no của đồng quê Việt Nam. | | Tiếng hót “Làm xanh da trời” | Vẻ đẹp của không gian cao rộng tràn ngập sự thanh bình | | Tiếng hót long lanh “Như cành sương chói”, “Hồn xanh quê nhà” | - Sự chuyển hóa của các cảm giác từ thị giác sang thính giác.  - Hình ảnh làng quê tràn đầy sức sống. |  * Nhận xét: * Những từ ngữ được gọt giũa, trau chuốt gợi lên không gian làng quê bao la khoáng đạt. * Hình ảnh thơ gần gũi, giản dị, thân thuộc, chân thực và có sức gợi cảm cao.  1. Biện pháp tu từ:  |  |  | | --- | --- | | **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** | | Điệp từ “cao hoài’ – “cao vợi” | Nhấn mạnh hình ảnh cánh chim chao liệng trên bầu trời cao rộng. | | So sánh “Tiếng hót long lanh” với “Cành sương chói” | Thể hiện sự trong trẻo, tràn đầy sức sống của tiếng chim. | | Nhân hóa:   * Chim ơi chim nói * Lòng chim vui nhiều | Nhân cách hóa chim chiền chiện như một con người. | | Ẩn dụ: “Tiếng ngọc trong veo/ Chim reo từng chuỗi.” | Tiếng chim chiền chiện cất lên từng thanh âm uyển chuyển, trải dài trên nền trời xanh. |  * Thể hiện cảm xúc trong trẻo, tình yêu thiên nhiên, quê hương của nhà thơ.  1. Vần, nhịp  * Vần lưng, vần chân * Nhịp 2/2 đều đặn, nhịp nhàng * Việc sử dụng linh hoạt cách gieo vần làm cho nhịp điệu bài thơ trở nên linh hoạt và sinh động hơn. |
| 1. **Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS phát hiện được những từ ngữ, hình ảnh thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ  **b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GV bằng cách điền vào các phiếu học tập  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập, vở ghi của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Học sinh thảo luận nhóm đôi:   * Tìm những câu thơ có các từ ngữ thể hiện cảm xúc của nhà thơ? * Nhận xét được những tình cảm, cảm xúc của nhà thơ thể hiện trong bài thơ.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  **HS:**  - HS hoạt động cá nhân: 2 phút  - HS thảo luận: 3 phút  - Đại diện trình bày  **GV:** theo dõi vàhướng dẫn học sinh trả lời  **B3:** **Báo cáo sản phẩm (HS)**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo | * Các hình ảnh thơ:   + *Lòng vui bối rối*  + *Lòng đầy yêu mến*  + *Tưng bừng lòng ta*   * Cảm xúc vui vẻ, hạnh phúc khi lắng nghe tiếng hót của chim chiền chiện. * Sự giao cảm tinh tế với thiên nhiên. * Yêu quý thiên nhiên, vẻ đẹp trong trẻo của tiếng hót chim chiền chiện. * Nâng niu, trân trọng vẻ đẹp của tiếng hót chim chiền chiện và khung cảnh thiên nhiên. |
| 1. **Chủ đề, thông điệp** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận ra được chủ đề của tác phẩm và thông điệp mà nhà thơ muốn gửi gắm tới người đọc  **b. Nội dung:** HS thực hiện yêu cầu của GV bằng cách trao đổi theo nhóm và trả lời  **c. Sản phẩm:** vở ghi của học sinh  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Học sinh thảo luận nhóm:   * Chủ đề của bài thơ là gì? * Qua bài thơ, tác giả muốn gửi gắm đến người đọc những thông điệp nào?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  **HS:**  **-** HS hoạt động cá nhân: 2 phút  - HS thảo luận: 3 phút  - Đại diện trình bày  GV: theo dõi và hướng dẫn học sinh trả lời  **B3: Báo cáo sản phẩm (HS)**  GV:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  HS:  - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo | * Chủ đề: Niềm vui sướng, hạnh phúc khi được hòa mình vào thiên nhiên, lắng nghe tiếng chim chiền chiện hót giữa đất trời. * Thông điệp:   + Giao hòa với thiên nhiên  + Thu nhận những cảm xúc mà thiên nhiên mang đến  + Trân trọng và bảo vệ thiên nhiên. |

Hoạt động 3: Vận dụng viết ngắn

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ, trình bày

**\*Phương thức thực hiện**: HĐ cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV chuyển giao nhiệm vụ:**

Em hãy phân tích một hình ảnh trong bài mà em cho là độc đáo nhất (bằng đoạn văn 3 – 5 câu)

**\* HS tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu**

\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:

- Tìm đọc những tác phẩm viết về mùa thu

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở

- Chuẩn bị bài: Hoạt động viết: “*Làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ”*

**PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Từ ngữ, hình ảnh** | **Tác dụng** |
| ................................................................................................................................... | ............................................................................................................................ |
| .................................................................................................................................... | ............................................................................................................................ |
| .................................................................................................................................... | ............................................................................................................................ |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Biện pháp tu từ** | **Tác dụng** |
| ................................................................................................................................... | ............................................................................................................................ |
| .................................................................................................................................... | ............................................................................................................................ |
| .................................................................................................................................... | ............................................................................................................................ |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các câu thơ** | **Cảm xúc của nhà thơ** |
| ................................................................................................................................... | ............................................................................................................................ |
| .................................................................................................................................... | ............................................................................................................................ |
| .................................................................................................................................... | ............................................................................................................................ |